

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: 465/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 10 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2261/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 598/TTr-SNNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 10 (mười) thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm Lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã rà soát, xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung các quy trình giải quyết TTHC/cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

phw

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm ĐHTT tỉnh;
- Các Hạt Kiểm lâm (để thực hiện);
- Lưu: VT, KT, KSTTHC. *phư*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam



Phụ lục

DANH MỤC TTHC TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM

(Kèm theo Quyết định số 465 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã

Số TT	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
1	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp 3.000179	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, Phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị	Không quy định	- Điều 25 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Khoản 1, điểm a khoản 4 Điều 8 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ NN&MT phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm. phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm.
2	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng 3.000180	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, Phường Đồng Hới,	Không quy định	- Điều 25 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Khoản 2, điểm b khoản 4 Điều 8 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ NN&MT phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực Lâm nghiệp và

Số TT	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			tỉnh Quảng Trị		Kiểm lâm. phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm
3	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức 1.000055	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, Phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị	Không quy định	Điều 13 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ NN&MT phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm.
4	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế 1.007916	(i) Trường hợp bố trí được đất để trồng rừng: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. (ii) Trường hợp không bố trí được đất để trồng rừng: + Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng: 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. + Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, Phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị	Không quy định	Điều 22 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ NN&MT phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm.

Số TT	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của tỉnh: 26 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.			
B THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ					
1	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân 1.012694	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm PV HCC cấp xã	Không quy định	- Khoản 5 Điều 13 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Điều 5 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ NN&MT phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm. phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm
2	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm PV HCC cấp xã	Không quy định	Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ NN&MT phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm.

ph

Số TT	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái 3.000250				
3	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư 1.007919	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm PV HCC cấp xã	Không quy định	- Khoản 6 Điều 13 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Điều 9 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ NN&MT phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm. phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm.

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1	1.012688	Quyết định giao rừng cho tổ chức	Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	1.007917	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	Điều 22 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Sở Nông nghiệp và Môi trường
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ					
1	1.012693	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư	Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Ủy ban nhân dân cấp xã

Phan